

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HOÀNG MAI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2024/DS-ST

Ngày: 09/5/2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Phương Minh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tạ Thị Thà

Bà Vũ Minh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hồng Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 79/2023/TLST-DS ngày 03/10/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXX-DS ngày 21 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2024/QĐST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Xuân T**, sinh năm 1939; (có mặt);

Nơi cư trú: số 101, nhà B6, khu G, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Quang T**, sinh năm 1975; (có mặt);

Nơi cư trú: số nhà 16, ngõ 76, phố D, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/8/2023, được sửa đổi, bổ sung ngày 08/9/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Nguyễn Xuân T trình bày: Anh Nguyễn Quang T trước đây có kết hôn với con gái ông là Nguyễn Hằng N. Sau đó tháng 3/2011 anh T và chị N đã ly hôn.

Ngày 29/02/2012 anh Nguyễn Quang T có vay ông số tiền 200.000.000 đồng với lãi suất là 2%/tháng để làm vốn kinh doanh và có viết giấy vay tiền. Khi vay anh T hứa đến ngày 31/5/2012 anh T sẽ trả đầy đủ cho ông. Nhưng đến hạn anh T không trả tiền cho ông và cũng không trả ông một đồng nào lãi suất.

Sau đó, do chỗ quen thân nên ông cũng gọi điện nhiều lần nhắc anh T trả nợ nhưng anh T hứa nhưng chưa gặp ông một lần nào. Đến hai, ba năm gần đây ông gọi điện thì anh T không nghe máy nữa.

Ông khẳng định từ khi viết giấy vay tiền đến nay anh T chưa trả ông số tiền đã vay trên. Ông khẳng định số tiền ông đã cho anh T vay là tiền riêng của ông, không liên quan gì đến nguồn tiền là tài sản chung vợ chồng giữa ông và vợ ông là bà Đỗ Thị B.

Nay ông đề nghị Tòa án giải quyết: buộc anh Nguyễn Quang T có trách nhiệm phải trả cho ông toàn bộ số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng mà anh T đã vay của ông, ông tự nguyện không yêu cầu anh T phải trả ông tiền lãi đối với số tiền trên.

* Bị đơn là anh Nguyễn Quang T trình bày: Trước đây năm 2010 anh có kết hôn với chị Nguyễn Hằng N là con gái của ông Nguyễn Xuân T. Đến tháng 3/2011 thì anh và chị N đã ly hôn tại Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng.

Năm 2012 anh và chị N có bàn bạc để vay tiền của ông T để làm vốn kinh doanh sữa TH True Milk. Ngày 29/02/2012 anh có viết Giấy vay tiền với nội dung: Anh có vay của ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1939 số tiền là 200.000.000 đồng với lãi suất là 2%/năm/1 tháng để kinh doanh sữa TH True Milk và xin hẹn đến ngày 31/5/2012 sẽ hoàn trả ông T đầy đủ số tiền trên. Anh xác nhận anh có viết và ký Giấy vay tiền ngày 29/02/2012.

Sau khi anh vay số tiền này thì anh có giao cho chị N để mua bán, xuất nhập sữa hàng ngày cho các đại lý. Sau đó khoảng tháng 6, tháng 7 thì anh nhận được công việc mới làm Giám đốc kinh doanh của công ty Sức sống mới nên nghỉ bán hàng. Chị N có đề nghị anh để lại hàng hóa, tiền nong và hệ thống khách hàng để chị tiếp tục kinh doanh sữa nên anh tiếp tục để lại toàn bộ và không mang theo tài sản gì khi đi nhận công việc mới. Cùng với việc trong quá trình sinh sống với chị N anh có đóng góp cho ông T số tiền 54 triệu đồng để mua mảnh đất trị giá 540 triệu tại Phủ Lỗ, huyện Đông Anh, Hà Nội. Sau này ông T và chị N bán mảnh đất đó được 3,6 tỷ và cũng không chia lại cho anh đồng nào. Do vậy, anh nghĩ số tiền 200 triệu đồng đã vay của ông T đã được chị N giải quyết rất lâu rồi vì giá trị hàng hóa và giá trị mua đất lớn hơn rất nhiều số tiền này.

Anh xác nhận toàn bộ số tiền nợ 200.000.000 đồng trong giấy nợ trên là tiền anh vay để kinh doanh. Sau khi vay tiền thì anh và chị N có trả cho ông T tiền lãi 4.000.000 đồng trong 3 tháng.

Nay ông T khởi kiện buộc anh có nghĩa vụ trả nợ cho ông T toàn bộ số tiền gốc 200.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 29/02/2012 thì anh không đồng ý vì theo anh chị N đã trả cho ông T số tiền anh đã vay trên và hơn nữa đến nay đã hơn 10 năm, thời gian đã lâu ông T mới khởi kiện đòi anh phải trả số tiền trên nên anh không chấp nhận. Ngoài các lời khai như trên thì anh không có tài liệu, chứng cứ gì để cung cấp cho Tòa án.

* Tại Đơn trình bày ngày 06/02/2024 bà Đỗ Thị B là vợ ông Nguyễn Xuân T trình bày: Khoản tiền 200.000.000 đồng mà ông T cho anh Nguyễn Quang T

vay theo Giấy vay tiền ngày 29/02/2012 là khoản tiền riêng của ông T, bà không có liên quan đến khoản tiền mà ông T cho anh T vay. Nay ông T có đơn khởi kiện thì bà không có yêu cầu hay đề nghị gì. Bà đề nghị Tòa án không đưa bà vào tham gia tố tụng trong vụ án.

* Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn là ông Nguyễn Xuân T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án buộc anh Nguyễn Quang T phải trả cho ông số tiền nợ gốc theo Giấy vay tiền ngày 29/02/2012 là 200.000.000 đồng và tự nguyện không yêu cầu anh T phải trả tiền lãi.

- Bị đơn là anh Nguyễn Quang T không đồng ý trả số tiền 200.000.000 đồng đã vay ông T vì số tiền vay này do anh vay để kinh doanh sữa TH True Milk với con gái ông T là chị Nguyễn Hằng N và sau đó anh đã chuyển giao toàn bộ hàng hóa cho chị N, hơn nữa thời gian đến nay đã hơn 10 năm ông T mới kiện đòi nợ nên anh không đồng ý trả nợ cho ông T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và xác định những người tham gia tố tụng là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự tố tụng trong quá trình thụ lý, xác minh, tổ chức phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải và tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: căn cứ Điều 122, Điều 290 Bộ luật dân sự năm 2005, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân T, buộc anh Nguyễn Quang T phải trả cho ông T số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 29/02/2012, ghi nhận sự tự nguyện của ông T không yêu cầu anh T trả tiền lãi; Về án phí: anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: ông Nguyễn Xuân T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Quang T phải trả cho ông T số tiền 200.000.000 đồng mà anh T đã vay. Anh T cư trú tại: số nhà 16, ngõ 76, phố D, phường L, quận H, thành phố Hà Nội. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa nguyên đơn là

ông Nguyễn Xuân T và bị đơn là anh Nguyễn Quang T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Giấy vay tiền giữa ông Nguyễn Xuân T và anh Nguyễn Quang T được xác lập ngày 29/02/2012. Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015, đối với giao dịch dân sự được xác lập trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực thì thời hiệu được áp dụng theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 155 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: Thời hiệu khởi kiện không áp dụng trong trường hợp sau: Yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu, trừ trường hợp Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định khác. Như vậy, ông Nguyễn Xuân T khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Quang T trả số tiền nợ gốc thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện.

[3] Về nội dung và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bên đương sự tại Tòa án thể hiện: do có mối quan hệ thân thích trước đây nên ngày 29/02/2012 anh Nguyễn Quang T có vay của ông Nguyễn Xuân T số tiền 200.000.000 đồng và hẹn đến ngày 31/5/2012 anh T sẽ trả ông T số tiền trên. Do đến hạn trả nợ theo thỏa thuận anh T không thanh toán trả nợ cho ông T nên ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh T phải trả cho ông số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng.

Căn cứ để ông T yêu cầu Tòa án giải quyết là Giấy vay tiền đề ngày 29/02/2012 (bút lục 48), nội dung thể hiện: *anh Nguyễn Quang T có vay của ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1939 số tiền là 200.000.000 đồng với lãi suất là 2%/1 tháng để kinh doanh sữa TH True Milk; xin hẹn đến ngày 31/5/2012 sẽ hoàn trả ông T đầy đủ số tiền trên.* Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh T thừa nhận có ký giấy vay tiền và vay của ông T số tiền là 200.000.000 đồng. Xét thấy, hợp đồng vay tài sản được các bên tự nguyện xác lập, có nội dung và hình thức phù hợp với các quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 nên có hiệu lực từ thời điểm giao kết và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với nhau theo đúng cam kết. Hợp đồng vay tài sản đang được thực hiện, có nội dung và hình thức phù hợp với các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015, nay ông T khởi kiện yêu cầu anh T thực hiện nghĩa vụ trả nợ, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015, Tòa án áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

Xét thấy, giao dịch vay tiền giữa ông Nguyễn Xuân T và anh Nguyễn Quang T là có thật được thể hiện ở Giấy vay tiền ngày 29/02/2012 cùng các lời khai của các bên đương sự, trong đó thể hiện đầy đủ việc vay và nhận nợ giữa ông T và anh T. Việc thỏa thuận vay tiền giữa ông T và anh T phù hợp quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 nên có hiệu lực pháp luật. Anh T cho rằng số tiền 200.000.000 đồng mà anh vay ông T ngày 29/02/2012 thì anh đã chuyển giao toàn bộ hàng hóa kinh doanh cho con gái ông T là chị Nguyễn Hằng Nga là vợ cũ của anh nên anh không đồng ý trả nợ cho ông T. Tuy nhiên, anh T không giao nộp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh việc anh chuyển giao nghĩa vụ cho chị Nga. Ông T cũng không thừa nhận lời khai này của anh T. Do đó, căn cứ vào Điều 280, Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, Tòa án chấp

nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc anh T phải trả ông T số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng.

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông T không yêu cầu anh T trả tiền lãi, đây là sự tự nguyện của ông T và phù hợp quy định của pháp luật nên ghi nhận sự tự nguyện này của ông T.

[3] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu của ông T được Tòa án chấp nhận, nên căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo, anh Nguyễn Quang T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu khởi kiện của ông T được chấp nhận.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 280, Điều 463, Điều 466, điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân T về việc đòi anh Nguyễn Quang T trả số tiền nợ theo Giấy vay tiền ngày 29/02/2012.

Buộc anh Nguyễn Quang T phải trả cho ông Nguyễn Xuân T số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Xuân T không yêu cầu anh Nguyễn Quang T trả tiền lãi.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Quang T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

3. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải

thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: ông Nguyễn Xuân T, anh Nguyễn Quang T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai;
- Chi cục Thi hành án DS quận Hoàng Mai;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Phương Minh